

Cần Thơ, ngày 28 tháng 10 năm 2011

Số : 996/DHG. AC

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Địa chỉ trụ sở chính : 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Điện thoại : (0710) 891433 Fax: (0710) 895209

Theo Báo cáo hợp nhất 9 tháng 2011, trong đó Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu thuộc trang 8, do nhầm lẫn trong việc nhập số, Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang xin điều chỉnh đúng như sau:

- Dữ liệu ban đầu:

○ Lợi nhuận trong kỳ:	-195.498.897.000
○ Cổ tức:	309.031.854.191

- Dữ liệu điều chỉnh đúng:

○ Lợi nhuận trong kỳ:	309.031.854.191
○ Cổ tức:	-195.498.897.000

Công ty cổ phần Dược Hậu Giang xin giải trình.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: AT, AC.

✓. TÔNG GIÁM ĐỐC ✓
HỌ TÊN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DƯỢC
HẬU GIANG
Q. NINH KIỀU - TP. CẦN THƠ

Lê Chánh Đạo

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ
tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09
năm 2011**



Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
Thông tin về Công ty

Quyết định số 2405/QĐ-CT.UB ngày 5 tháng 8 năm 2004

Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy phép Kinh doanh Số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp vào ngày 15 tháng 9 năm 2004. Giấy phép Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 1800156801 được cấp ngày 13 tháng 9 năm 2011.

Hội đồng Quản trị	Bà Phạm Thị Việt Nga	Chủ tịch
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Chánh Đạo	Thành viên
	Ông Đoàn Đình Duy Khương	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Như Song	Thành viên
	Ông Lê Đình Bửu Trí	Thành viên
	Ông Nguyễn Sĩ Trung Kỳ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Bà Phạm Thị Việt Nga	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Chánh Đạo	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Ánh Như	Chủ tịch
	Ông Trần Quốc Hưng	Thành viên
	Ông Đàm Mạnh Cường	Thành viên

Trụ sở đăng ký 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.449.731.787.925	1.442.034.118.769
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	453.301.077.439	642.519.118.992
Tiền	111		296.223.919.693	286.505.741.815
Các khoản tương đương tiền	112		157.077.157.746	356.013.377.177
Đầu tư ngắn hạn	120		-	
Các khoản phải thu	130	4	459.887.816.713	446.197.923.622
Phải thu thương mại	131		293.415.010.230	306.719.736.511
Trả trước cho người bán	132		89.848.426.799	28.193.510.841
Các khoản phải thu khác	135		80.419.644.825	117.510.052.422
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(3.795.265.141)	(6.225.376.152)
Hàng tồn kho	140	5	514.096.492.485	347.099.608.749
Hàng tồn kho	141		518.631.261.791	350.125.465.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.534.769.306)	(3.025.856.755)
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.446.401.288	6.217.467.406
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.658.414.880	1.283.164.897
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	408.648
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	14	6.513.857.817	439.785.275
Tài sản ngắn hạn khác	158		13.274.128.591	4.494.108.586

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tài sản dài hạn	200		452.679.523.167	377.700.975.901
Tài sản cố định	220		396.533.392.247	303.438.987.167
Tài sản cố định hữu hình	221	6	235.450.963.589	167.840.794.676
Nguyên giá	222		409.935.191.530	310.198.804.023
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(174.484.227.941)	(142.358.009.347)
Tài sản cố định vô hình	227	7	142.473.248.887	127.878.195.760
Nguyên giá	228		147.769.799.505	131.894.976.812
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.296.550.618)	(4.016.781.052)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	18.609.179.771	7.719.996.731
Bất động sản đầu tư	240	9	-	6.456.882.120
Nguyên giá	241		-	7.784.646.717
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(1.327.764.597)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	27.593.897.132	39.979.249.420
Đầu tư vào công ty liên kết	252		20.206.728.381	32.592.080.669
Đầu tư dài hạn khác	258		11.901.050.200	11.901.050.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.513.881.449)	(4.513.881.449)
Tài sản dài hạn khác	260		28.552.233.788	27.825.857.194
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	21.855.995.281	22.430.416.454
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	29	4.298.602.311	3.785.465.288
Tài sản dài hạn khác	268		2.397.636.196	1.609.975.452
TỔNG TÀI SẢN	270		1.902.411.311.092	1.819.735.094.670

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		552.151.960.708	530.696.724.099
Nợ ngắn hạn	310		497.355.386.089	471.555.878.347
Vay ngắn hạn	311	12	8.245.041.008	12.802.412.973
Phải trả thương mại	312	13	61.718.770.983	86.290.700.781
Người mua trả tiền trước	313		675.830.241	1.413.080.380
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	14	25.387.612.101	40.019.223.841
Phải trả người lao động	315		67.551.811.107	100.633.206.342
Chi phí phải trả	316	15	226.468.831.939	168.781.105.434
Các khoản phải trả phải nộp khác	319		48.484.354.694	32.127.453.214
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	58.823.134.016	29.488.695.382
Nợ dài hạn	330		54.796.574.619	59.140.845.752
Doanh thu chưa thực hiện	333		119.417.273	119.417.273
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	335			
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	17	25.024.588.151	21.163.637.977
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	18	29.652.569.195	37.857.790.502
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.340.218.436.767	1.280.322.125.140
Vốn chủ sở hữu	410		1.340.218.436.767	1.280.322.125.140
Vốn cổ phần	411	19	651.764.290.000	269.129.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	378.761.392.824
Cổ phiếu quỹ	414	19	(455.850.000)	(455.850.000)
Quỹ đầu tư phát triển	416		286.384.048.884	204.329.442.743
Quỹ dự phòng tài chính	418		66.541.621.663	64.215.412.933
Lợi nhuận chưa phân phối	420		335.984.326.220	364.342.106.640
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	410	20	10.040.913.617	8.716.245.431
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.902.411.311.092	1.819.735.094.670

Người lập:

 Đặng Phạm Huyền Nhung
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

 Lê Chánh Đạo
 Phó Tổng Giám đốc

ngày 24 tháng 10 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30
tháng 09 năm 2011

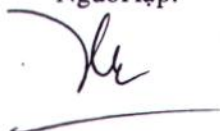
	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2011	30/9/2010	30/9/2011	30/9/2010
			VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu	01	21	573.957.366.475	520.021.503.626	1.741.111.920.920	1.385.714.878.206
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	(6.829.921.903)	(2.257.959.299)	(13.662.034.390)	(13.135.888.519)
Doanh thu thuần	10	21	567.127.444.572	517.763.544.327	1.727.449.886.530	1.372.578.989.687
Giá vốn hàng bán	11	22	(305.505.517.871)	(265.216.975.087)	(906.016.423.138)	(701.205.797.462)
Lợi nhuận gộp	20		261.621.926.701	252.546.569.240	821.433.463.392	671.373.192.225
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	13.078.276.838	10.478.002.515	40.452.923.305	30.779.853.385
Chi phí tài chính	22	24	(1.368.984.114)	(727.099.745)	(4.431.899.278)	(2.453.668.038)
Lãi tiền vay	23		(418.215.373)	(269.031.085)	(1.305.365.253)	(1.304.528.070)
Chi phí bán hàng	24	25	(103.956.267.121)	(129.537.209.947)	(370.485.334.730)	(311.689.618.187)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(44.287.064.154)	(43.355.835.155)	(121.354.858.174)	(106.151.428.292)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		125.087.888.150	89.404.426.908	365.614.294.515	281.858.331.093
Kết quả từ các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	27	3.938.504.909	6.300.058.344	6.207.411.519	8.537.331.688
Chi phí khác	32	28	(9.142.539.997)	(6.292.953.304)	(11.821.102.989)	(8.552.433.299)
Lãi/Lỗ từ công ty liên kết	30	10	318.475.022	(85.866.426)	(281.524.978)	(2.754.261.027)
Lợi nhuận trước thuế	50		120.202.328.084	89.325.665.522	359.719.078.067	279.088.968.455

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30
tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2011 VND	30/9/2010 VND	30/9/2011 VND	30/9/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	50		120.202.328.084	89.325.665.522	359.719.078.067	279.088.968.455
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	29	(18.681.487.146)	(10.520.286.556)	(48.940.191.847)	(33.096.415.838)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	29	516.888.609	122.599.605	618.079.951	118.018.654
Lợi nhuận thuần	60		102.037.729.547	78.927.978.571	311.396.966.171	246.110.571.271
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61	20	1.453.426.894	381.561.403	2.365.111.980	1.810.186.083
Chủ sở hữu của Công ty	62		100.584.302.653	78.546.417.168	309.031.854.191	244.300.385.188
Lợi nhuận thuần	60		102.037.729.547	78.927.978.571	311.396.966.171	246.110.571.271
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.544	2.920	4.748	9.081

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 24 tháng 10 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

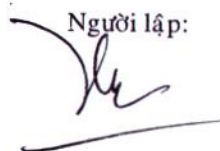
	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	266.629.620.000	378.761.392.824	(410.400.000)	4.658.004.486	29.744.900.881	330.992.386.888	1.010.375.905.079
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000						2.500.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại	-	-	(136.800.000)	-		-	(136.800.000)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành			91.350.000				91.350.000
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	199.671.438.257	34.470.512.052	(234.141.950.309)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(35.018.979.713)	(35.018.979.713)
Phí cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(11.771.257.904)	(11.771.257.904)
Lợi nhuận thuần trong kỳ						244.300.385.188	244.300.385.188
Cổ tức	-	-	-	-	-	(39.977.508.000)	(39.977.508.000)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2010	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	254.383.076.150	1.170.363.094.650
Lợi nhuận thuần trong kỳ						136.861.862.490	136.861.862.490
Cổ tức (thuyết minh 31)						(26.902.832.000)	(26.902.832.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	364.342.106.640	1.280.322.125.140

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	269.129.620.000	378.761.392.824	(455.850.000)	204.329.442.743	64.215.412.933	364.342.106.640	1.280.322.125.140
Phát hành cổ phiếu	2.500.000.000						2.500.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1,4	380.134.670.000	(378.761.392.824)		(1.373.277.176)			-
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	83.427.883.317	2.326.208.730	(85.754.092.047)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(45.937.137.074)	(45.937.137.074)
Phí cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(10.199.508.490)	(10.199.508.490)
Cổ tức (thuyết minh 31)	-	-	-	-	-	(195.498.897.000)	(195.498.897.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	309.031.854.191	309.031.854.191
Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2011	651.764.290.000	-	(455.850.000)	286.384.048.884	66.541.621.663	335.984.326.220	1.340.218.436.767

Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 24 tháng 10 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09
năm 2011

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2011 VND	30/9/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		359.719.078.067	279.088.968.455
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		35.914.208.356	29.535.496.384
Các khoản dự phòng	03		2.939.751.714	6.216.182.192
Lãi thanh lý tài sản	05		(2.472.133.467)	(1.840.720.460)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	06		(35.558.194.018)	(25.039.731.673)
Chi phí lãi vay	07		1.305.365.253	1.304.528.070
Lỗ từ công ty liên kết	08		281.524.978	3.280.041.027
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	09		362.129.600.883	292.544.763.995
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	10		35.154.702.148	(103.216.825.567)
Biến động hàng tồn kho	11		(168.505.796.287)	(53.512.480.954)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	12		(5.033.258.741)	27.885.344.340
Biến động chi phí trả trước	13		(800.828.810)	(1.954.827.758)
			222.944.419.193	161.745.974.056
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.421.299.464)	(1.742.173.614)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(48.737.278.788)	(45.899.412.557)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(35.282.872.031)	(21.927.493.393)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		137.502.968.910	92.176.894.492

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011 (tiếp theo)

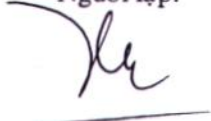
	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2011 VND	30/9/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(186.425.870.209)	(65.745.700.773)
Tiền thu từ điều chỉnh giá mua quyền sử dụng đất	22		-	5.364.173.499
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	23		4.529.649.826	3.777.348.739
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	24		-	(6.125.847.736)
Tiền cho vay thu về từ các đơn vị khác	25		5.834.457.557	
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	26		-	16.037.166.667
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	27		-	(13.615.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	28		12.103.827.310	157.550.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	29		35.558.194.018	27.253.403.895
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(128.399.741.498)	(32.896.905.709)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		2.500.000.000	2.591.350.000
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(136.800.000)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		18.741.424.858	23.106.560.177
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(23.298.796.823)	(80.869.090.396)
Tiền trả cổ tức	35		(196.263.897.000)	(39.977.508.000)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40		(198.321.268.965)	(95.285.488.219)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06
năm 2011 (tiếp theo)

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2011 VND	30/9/2010 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(189.218.041.553)	(36.005.499.436)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		642.519.118.992	584.128.534.956
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	453.301.077.439	548.123.035.520

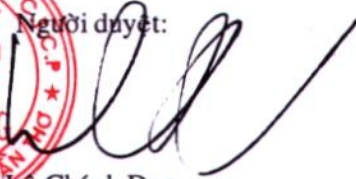
Người lập:



Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 24 tháng 10 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dược hậu Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 5703000111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 15 tháng 9 năm 2004, giấy phép được cấp lại nhiều lần, lần sau cùng tính đến thời điểm báo cáo là vào ngày 13 tháng 09 năm 2011 số 1800156801. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/09/2011	31/12/2010
Công ty con				
Công ty TNHH MTV DT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5104000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 28 tháng 8 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Du lịch DHG	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Số 5704000134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5604000048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG	Nuôi trồng, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu; sản xuất, kinh doanh hóa dược; sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng	Số 1800723433 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 8 năm 2008	100%	100%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/09/2011	31/12/2010
Công ty TNHH MTV Dược phẩm CM	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6104000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, nhôm, giấy; in xuất bản ấn phẩm	Số 5704000183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 6403000044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 20 tháng 7 năm 2007	51%	51%
Công ty TNHH MTV A&G Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1601171629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 6 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 5904000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2008	100%	100%
Công ty TNHH MTV TOT Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1801113085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV TG Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1200975943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 2 năm 2009	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bali Pharma	Kinh doanh dược phẩm, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm	Số 1900455594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 29 tháng 3 năm 2011		

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 Tập đoàn có 2.617 nhân viên (30/09/2010: 2.317 nhân viên).

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng một cách nhất quán.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lãi chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 5 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

(c) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 18 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 13 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 13 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 5 đến 16 năm.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Nâng cấp tài sản thuê

Nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 39 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Phân bổ được trích lập mỗi năm cho các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(s) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được ghi vào nguyên giá của tài sản cố định này.

(v) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

(w) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	30.987.743.877	39.653.513.720
Tiền gửi ngân hàng	265.236.175.816	246.852.228.095
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	157.077.157.746	356.013.377.177
	453.301.077.439	642.519.118.992

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 21.647 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 5.067 triệu VNĐ).

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại bao gồm:

	30/06/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải thu từ các công ty liên kết	356.765.200	736.208.259
Phải thu từ các bên thứ ba	293.058.245.030	305.983.528.252
	293.415.010.230	306.719.736.511

Các khoản phải thu không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Các khoản trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 là khoản trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)**

Phải thu khác bao gồm:

	30/09/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí hoa hồng trả trước	67.311.427.659	77.087.927.595
Thu nhập tiền lãi phải thu	-	1.092.298.387
Các khoản cho vay (*)	1.345.482.010	7.081.051.026
Phải thu từ công nhân viên	646.307.940	12.499.149.208
Phải thu từ việc hủy hợp đồng thuê đất	-	13.848.944.240
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty liên kết	1.774.800.266	
Phải thu khác	9.341.626.950	5.900.681.966
	80.419.644.825	117.510.052.422

(*) Khoản này phản ánh khoản cho các công ty liên kết và các bệnh viện vay với kỳ hạn dưới một năm, không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 13% trong năm.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/9/2011 VND	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/9/2010 VND
Số dư đầu năm	6.225.376.152	3.437.575.954
Tăng dự phòng trong kỳ		2.787.800.198
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(2.430.111.011)	
Số dư cuối kỳ	3.795.265.141	6.225.376.152

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09
năm 2011 (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	30/09/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	58.942.649.048	50.952.551.152
Nguyên vật liệu	203.663.875.106	130.967.195.036
Sản phẩm dở dang	33.314.501.420	39.156.811.367
Thành phẩm	213.059.174.756	101.410.778.366
Hàng hóa	8.219.690.564	24.076.160.744
Hàng gửi đi bán	1.431.370.897	3.561.968.839
	518.631.261.791	350.125.465.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.534.769.306)	(3.025.856.755)
	514.096.492.485	347.099.608.749

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/9/2011 VND	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/9/2010 VND
Số dư đầu năm	3.025.856.755	4.844.824.822
Tăng dự phòng trong kỳ	1.508.912.551	
Sử dụng dự phòng trong kỳ		(1.878.856.711)
Số dư cuối kỳ	4.534.769.306	2.965.968.111

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	72.184.355.852	133.385.719.347	63.068.489.172	41.560.239.652	310.198.804.023
Tăng trong kỳ	5.251.580.493	19.270.657.263	6.517.751.137	5.558.808.183	36.598.797.076
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.832.961.324	20.883.313.978	10.990.242.769	3.695.388.826	61.401.906.897
Chuyển từ bất động sản đầu tư	7.790.891.262	-	-	-	7.790.891.262
Thanh lý	(94.652.940)	(1.419.698.580)	(3.733.195.896)	(807.660.312)	(6.055.207.728)
Số dư cuối kỳ	110.965.135.991	172.119.992.008	76.843.287.182	50.006.776.349	409.935.191.530
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.033.555.433	75.249.594.229	23.085.332.017	24.989.527.668	142.358.009.347
Khấu hao trong kỳ	5.220.493.570	16.258.583.802	8.367.585.857	4.464.362.409	34.311.025.638
Chuyển từ bất động sản đầu tư	1.812.884.325	-	-	-	1.812.884.325
Thanh lý	(123.782.554)	(1.344.665.891)	(1.731.542.925)	(797.699.999)	(3.997.691.369)
Số dư cuối kỳ	25.943.150.774	90.163.512.140	29.721.374.949	28.656.190.078	174.484.227.941
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	53.150.800.419	58.136.125.118	39.983.157.155	16.570.711.984	167.840.794.676
Số dư cuối kỳ	85.021.985.217	81.956.479.868	47.121.912.233	21.350.586.271	235.450.963.589

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 44.6 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 (31/12/2010: 38.101 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	78.385.513.595	50.054.670.807	3.454.792.410	131.894.976.812
Tăng trong kỳ	13.786.520.000	2.540.241.968	1.880.316.725	18.207.078.693
Điều chỉnh giá mua	-	-	-	-
Xóa sổ	(2.332.256.000)	-	-	(2.332.256.000)
Số dư cuối kỳ	89.839.777.595	52.594.912.775	5.335.109.135	147.769.799.505
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	2.924.199.102	1.092.581.950	4.016.781.052
Khấu hao trong kỳ	-	830.875.864	448.893.702	1.279.769.566
Số dư cuối kỳ	-	3.755.074.966	1.541.475.652	5.296.550.618
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	78.385.513.595	47.130.471.705	2.362.210.460	127.878.195.760
Số dư cuối kỳ	89.839.777.595	48.839.837.809	3.793.633.483	142.473.248.887

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/9/2011 VNĐ	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/9/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	7.719.996.731	5.262.347.125
Tăng trong kỳ	80.308.124.973	15.481.690.048
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(61.401.906.897)	(17.074.043.720)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.540.241.968)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.244.545)	-
Chuyển sang chi phí sử dụng từ quỹ KHCN	(115.770.050)	-
Thanh lý	(5.354.778.473)	-
Số dư cuối kỳ	18.609.179.771	3.669.993.453

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09
năm 2011 (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.784.646.717
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.244.545
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.790.891.262)
Số dư cuối kỳ	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	1.327.764.597
Khấu hao trong kỳ	485.119.728
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.812.884.325)
Số dư cuối kỳ	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	6.456.882.120
Số dư cuối kỳ	-

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)****10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/09/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	4.606.728.381	4.138.773.359
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm nang mềm DHG		11.953.307.310
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	15.600.000.000	16.500.000.000
	20.206.728.381	32.592.080.669
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	27.420.000	27.420.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương	4.286.800.000	4.286.800.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Ninh Thuận	796.675.000	796.675.000
▪ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Nghệ An	3.922.880.000	3.922.880.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	2.575.315.200	2.575.315.200
▪ Công ty Cổ phần Dược - Mỹ phẩm và Thương mại Bà Rịa – Vũng Tàu	70.000.000	70.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	221.960.000	221.960.000
	11.901.050.200	11.901.050.200

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/09/2011 VND	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/09/2010 VND
Số dư đầu kỳ	32.592.080.669	23.868.187.834
Đầu tư mới trong kỳ	-	13.615.000.000
Thanh lý đầu tư trong kỳ	(11.953.307.310)	(157.550.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ được chia từ công ty liên kết	618.475.022	485.427.138
Phân bổ lợi thế thương mại	(900.000.000)	(3.239.688.165)
Cổ tức	(150.520.000)	(525.780.000)
Số dư cuối kỳ	20.206.728.381	34.045.596.807

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			30/09/2011	31/12/2010
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Sản xuất và kinh doanh Tảo Spirulina	Số 4803000150 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 4 tháng 2 năm 2008	30%	30%
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh	Số 4603000373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007	20%	20%

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Nâng cấp tài sản thuê VNĐ	Chi phí đất trả trước VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	2.247.686.519	20.182.729.935	22.430.416.454
Tăng trong kỳ	467.018.600	-	467.018.600
Chuyển từ xây dựng cơ bản	125.180.802	(16.485.003)	108.695.799
Phân bổ trong kỳ	(776.239.899)	(373.895.673)	(1.150.135.572)
	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.063.646.022	19.792.349.259	21.855.995.281

12. Vay ngắn hạn

	30/09/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Khoản vay từ nhân viên của Tập đoàn (*)	8.245.041.008	12.802.412.973
	8.245.041.008	12.802.412.973

(*) Các khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất tháng từ 1,1% đến 1,15% trong năm (2010: từ 0,55% đến 0,6%).

13. Phải trả thương mại

	30/09/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Phải trả các công ty liên kết	1.154.382.166	2.682.823.414
Phải trả các bên thứ ba	60.564.388.817	83.607.877.367
	61.718.770.983	86.290.700.781

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/09/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.637.221.046	2.808.815.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.788.447.786	18.975.047.473
Thuế thu nhập cá nhân	4.961.943.269	18.212.761.047
Các loại thuế khác		22.599.873
	25.387.612.101	40.019.223.841

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

Chi tiết từng khoản thuế như sau:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.808.406.800	14.884.357.954	(22.177.639.143)	(4.484.874.389)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	25.846.752.060	(25.846.752.060)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(110.460.634)	8.944.952.256	(9.226.254.004)	(391.762.382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.585.534.727	48.940.191.847	(48.737.278.788)	18.788.447.786
Thuế thu nhập cá nhân	18.212.761.047	23.820.556.005	(37.071.373.783)	4.961.943.269
Thuế đất	-	2.261.470.169	(2.261.470.169)	-
Thuế khác	22.599.873	68.701.439	(91.301.312)	-
Cộng	39.518.841.813	124.766.981.730	(145.412.069.259)	18.873.754.284

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Giảm giá hàng bán	93.276.123.543	90.204.223.053
Chi phí khuyến mại	66.869.905.695	48.374.527.539
Chi phí hội thảo	33.896.092.607	16.328.505.475
Chi phí quảng cáo	7.623.262.093	3.406.570.664
Lãi vay phải trả	206.302.338	322.236.549
Các chi phí phải trả khác	24.597.145.663	10.145.042.154
	226.468.831.939	168.781.105.434

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng việc phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và thưởng cho Hội đồng Quản trị theo nghị quyết Đại hội Cổ đông của Tập đoàn.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ VND	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	25.010.163.988		4.478.531.394	29.488.695.382
Phân bổ cho quỹ	40.922.755.107	5.231.680.635	10.287.653.618	56.442.089.360
Sử dụng quỹ	(16.673.010.451)	-	(10.434.640.275)	(27.107.650.726)
Số dư cuối kỳ	49.259.908.644	5.231.680.635	4.331.544.737	58.823.134.016

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu năm	21.163.637.977
Trích lập dự phòng trong kỳ	6.731.610.274
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(2.870.660.100)
Số dư cuối kỳ	25.024.588.151

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 2% lương cơ bản, tương đương 1.256 triệu VND (kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010: 880 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp, trong đó 1% thu từ lương cơ bản của CBNV, 1% được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Dự phòng được tính là chi phí. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09
năm 2011 (tiếp theo)

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu năm	37.857.790.502
Sử dụng quỹ trong kỳ	(8.205.221.307)
Số dư cuối kỳ	29.652.569.195

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/09/2011		31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	65.176.429	651.764.290.000	26.912.962	269.129.620.000
Cổ phiếu quỹ	(10.130)	(455.850.000)	(10.130)	(455.850.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị gián đoạn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/09/2011		Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/09/2010	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	26.902.832	268.673.770.000	26.653.842	266.219.220.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	38.013.467	380.134.670.000		
Cổ phiếu quỹ mua lại			(3.040)	(136.800.000)
Cổ phiếu quỹ phát hành lại			2.030	91.350.000
Số dư cuối kỳ	65.166.299	651.308.440.000	26.902.832	268.673.770.000

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

20. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ từ 1/1/2011 đến 30/09/2011 VND	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/09/2010 VND
Số dư đầu năm	8.716.245.431	7.780.847.035
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong kỳ	2.365.111.980	1.428.624.680
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	(217.298.666)	(790.438.688)
Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị tính cho cổ đông thiểu số	(88.145.128)	(447.149.578)
Cổ tức nhận được	(735.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	10.040.913.617	7.971.883.449

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/9/2011 30/9/2010 VND VND		Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2011 30/9/2010 VND VND	
Tổng doanh thu				
▪ Thành phẩm đã bán	532.112.846.349	476.287.573.778	1.621.524.655.489	1.288.650.248.410
▪ Hàng hóa đã bán	27.060.548.839	27.287.828.286	70.077.548.998	52.114.986.355
▪ Hàng khác	14.783.971.287	16.446.101.562	49.509.716.433	44.949.643.441
	573.957.366.475	520.021.503.626	1.741.111.920.920	1.385.714.878.206
Các khoản giảm trừ				
▪ Giảm giá hàng bán	73.071.128	(4.072)	-	(4.072)
▪ Chiết khấu thương mại	(126.329.985)	(2.051.054)	(126.329.985)	(16.622.587)
▪ Hàng bán bị trả lại	(6.776.663.046)	(2.255.904.173)	(13.535.704.405)	(13.119.261.860)
	(6.829.921.903)	(2.257.959.299)	(13.662.034.390)	(13.135.888.519)
Doanh thu thuần	567.127.444.572	517.763.544.327	1.727.449.886.530	1.372.578.989.687
Trong đó				
▪ Thành phẩm đã bán	525.282.924.446	474.029.614.479	1.608.960.240.535	1.275.514.359.891
▪ Hàng hóa đã bán	27.060.548.839	27.287.828.286	68.979.929.562	52.114.986.355
▪ Hàng khác	14.783.971.287	16.446.101.562	49.509.716.433	44.949.643.441

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)****22. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2011	30/9/2010	30/9/2011	30/9/2010
	VND	VND	VND	VND
Thành phẩm đã bán	250.898.112.745	262.094.447.318	770.038.509.060	613.788.978.864
Hàng hóa đã bán	23.988.280.655	1.066.321.603	61.563.791.480	45.345.732.685
Hàng khác	30.619.124.471	2.056.206.166	72.905.210.047	42.071.085.913
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	1.508.912.551	
	305.505.517.871	265.216.975.087	906.016.423.138	701.205.797.462

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2011	30/9/2010	30/9/2011	30/9/2010
	VND	VND	VND	VND
Thu lãi tiền gửi	12.042.508.354	8.830.676.617	35.290.343.918	26.938.902.395
Cổ tức	83.074.800	42.037.800	267.850.100	314.501.500
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	1.546.692.690	
Lãi chênh lệch tỷ giá	952.693.684	1.605.288.098	3.348.036.597	3.526.449.490
	13.078.276.838	10.478.002.515	40.452.923.305	30.779.853.385

24. Chi phí tài chính

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2011	30/9/2010	30/9/2011	30/9/2010
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay	418.215.373	269.031.085	1.305.365.253	1.304.528.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá	913.320.689	433.068.560	3.004.958.806	1.077.136.335
Chi phí tài chính khác	37.448.052	25.000.100	121.575.219	72.003.633
	1.368.984.114	727.099.745	4.431.899.278	2.453.668.038

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)****25. Chi phí bán hàng**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/9/2011		Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2011	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	59.659.902.428	76.349.483.199	201.844.642.144	205.644.603.142
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.587.441.509	1.837.893.007	6.848.703.701	5.113.898.042
Chi phí dụng cụ đồ dùng	910.541.785	708.826.397	3.140.767.270	2.002.938.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.591.865.077	1.938.200.063	7.194.934.838	5.573.691.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.809.507.457	35.310.846.207	114.233.641.149	60.487.087.235
Chi phí bằng tiền khác	19.397.008.865	13.391.961.074	37.222.645.628	32.867.399.124
	103.956.267.121	129.537.209.947	370.485.334.730	311.689.618.187

26. Chi phí quản lý

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/9/2011		Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2011	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	32.011.605.207	25.132.863.003	89.196.591.994	68.133.435.947
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.825.317	42.279.088	351.799.526	241.372.777
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.038.479.945	769.803.082	2.761.198.328	2.507.394.293
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.385.159.447	1.604.659.561	6.561.254.378	3.707.994.764
Thuế, phí và lệ phí	46.883.466	140.268.088	713.201.929	372.983.018
Chi phí dự phòng	2.953.069.615	8.897.342.071	4.301.499.262	9.611.008.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.633.526.937	5.147.727.504	6.483.283.839	9.092.195.697
Chi phí bằng tiền khác	4.106.514.220	1.620.892.758	10.986.028.918	12.485.043.080
	44.287.064.154	43.355.835.155	121.354.858.174	106.151.428.292

27. Thu nhập khác

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/9/2011		Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2011	
	VND	VND	VND	VND
Thu nhập từ bán phế liệu	241.155.338	337.213.823	762.625.275	619.924.302
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.512.843.108	2.354.445.761	4.529.649.826	3.777.348.739
Thu nhập khác	184.506.463	3.608.398.760	915.136.418	4.140.058.647
	3.938.504.909	6.300.058.344	6.207.411.519	8.537.331.688

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

28. Chi phí khác

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/9/2010		Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2010	
	VND	VND	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý và xóa sổ	2.685.424.308	1.906.079.475	3.432.140.864	2.781.885.957
Chi phí khác	6.457.115.689	4.386.873.829	8.388.962.125	5.770.547.342
	9.142.539.997	6.292.953.304	11.821.102.989	8.552.433.299

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	30/09/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Các khoản dự phòng	2.063.574.358	2.063.574.358
Lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	2.235.027.953	1.721.890.930
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.298.602.311	3.785.465.288

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/9/2011		Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2011	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.681.487.146	10.520.286.556	48.940.191.847	33.096.415.838
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(516.888.609)	(122.599.605)	(618.079.951)	(118.018.654)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18.164.598.537	10.397.686.951	48.322.111.896	32.978.397.184

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2013 và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2006 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2007 đến năm 2011.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, do vậy Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm sau khi kết thúc thời gian miễn, giảm ở trên.

Các công ty con

Ngoại trừ Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT, Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG, Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST và Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu, các công ty khác trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH MTV In Bao bì DHG (“DHGpp”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, In Bao bì DHG có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của In Bao bì DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2012.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm HT (“HT Pharma”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm HT có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm HT cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2016.

Công ty TNHH MTV Dược liệu DHG (“DHG Nature”)

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, DHG Nature có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược liệu DHG cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2013.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)****Công ty TNHH MTV Dược phẩm ST ("ST Pharma")**

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược phẩm ST có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược phẩm ST cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2011 đến năm 2014.

Công ty Cổ phần Dược Sông Hậu ("SH Pharma")

Theo quy định trong Giấy phép Đầu tư, Dược Sông Hậu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2019 và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Dược Sông Hậu cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong từ năm 2010 đến năm 2014.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 25%.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành, được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2011	30/9/2010	30/9/2011	30/9/2010
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	100.584.302.653	78.546.417.168	309.031.854.191	244.300.385.188

307
TY
AN
C
LAN
-TP.C

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)****(ii) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành**

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.152.832	26.652.326	26.902.832	26.653.842
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ		250.000		250.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2010	-	-	-	(1.632)
Ảnh hưởng của cổ phiếu tái phát hành tháng 6 năm 2010			-	910
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành tháng 4 năm 2011	-	-	168.519	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng đã phát hành tháng 8 năm 2011	38.013.467	-	38.013.467	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	65.166.299	26.902.326	65.084.818	26.903.120

31. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 ngày 29 tháng 04 năm 2011 quyết định chia cổ tức năm 2010 là 40%, bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1,4 cổ phiếu.

Cổ tức đã chia bằng tiền mặt là 222.401.729VNĐ, bao gồm cổ tức đã tạm ứng đợt 1/2010, giá trị 26.902.832.000 VNĐ (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 4 tháng 10 năm 2010) và đã thực hiện tiếp tục chia 30% cổ tức còn lại sau khi phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 1:1,4, giá trị 195.498.897.000 VNĐ (những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 29 tháng 08 năm 2011)

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các nhân sự điều hành.

Giao dịch với các công ty liên kết

Ngoài số dư với các công ty liên kết được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên kết:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2011	30/9/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường		
Mua nguyên vật liệu	518.910.500	671.600.000
Thu nhập cổ tức	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo		
Mua nguyên vật liệu	6.451.000.000	5.959.000.000
Thu nhập cổ tức	150.520.000	

Giao dịch với cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2011	30/9/2010
	VND	VND
Lương	2.322.191.617	3.301.394.087
Thù lao	2.884.000.000	1.349.000.000
Tiền thưởng	1.324.681.828	
	3.307.385.958	2.056.505.232

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

33. Cam kết**Mua sắm tài sản**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/9/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	457.282.309.017	338.828.702.009
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	40.917.642.500	54.885.268.313
	498.199.951.517	393.713.970.321

34. Nợ thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011, nợ thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	393.608	464.800
Phải thu thương mại	112.556	49.366
Phải trả thương mại	(1.468.958)	(120.749)
	(962.794)	393.417

Tỷ giá chủ yếu được áp dụng trong kỳ như sau:

	Tỷ giá ngoại tệ tại ngày 30/09/2011
USD	20.618
EUR	30.120

Bảng dưới đây phân tích ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá đến lợi nhuận thuần của tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2011 khi xem xét đến tỷ giá hiện tại và sự biến động của tỷ giá trong quá khứ cũng như dự đoán của thị trường tại ngày 30 tháng 09 năm 2011:

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)

**Ảnh hưởng đến lợi
 nhuận thuần tại ngày
 30/09/2011**

USD (tăng 8%) – giảm lợi nhuận thuần	(1.429.263.842)
EUR (tăng 8%) – tăng lợi nhuận thuần	853.179.843
	(576.083.999)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2011	30/9/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	850.937.659.140	631.372.384.573
Chi phí nhân công và nhân viên	403.725.428.618	356.733.507.210
Chi phí khấu hao và phân bổ	35.665.313.755	27.268.159.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.470.770.605	135.548.399.055
Các chi phí khác	62.592.172.612	53.345.683.805
	1.550.391.344.730	1.204.268.134.197

36. Số liệu điều chỉnh

Điều chỉnh phân loại lại chi tiết Tài sản cố định vô hình

	30/9/2011	Số đầu năm
	VND	VND
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	78.385.513.595	53.466.870.046
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50.054.670.807	74.973.314.356
	128.440.184.402	128.440.184.402

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 (tiếp theo)****37. Giải trình**

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang giải trình về biến động doanh thu và lợi nhuận của 9 tháng năm 2011 so với 9 tháng năm 2010, chi tiết như sau:

DVT: Triệu đồng

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/09/2011		Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/09/2011		Tỷ lệ tăng/giảm	
	VND	VND	VND	VND	Quý	9 tháng
Doanh thu thuần	567.127	517.764	1.727.450	1.372.579	9,53%	25,85%
Lợi nhuận trước thuế	120.202	89.326	359.719	279.089	34,57%	28,89%
Lợi nhuận sau thuế	100.584	78.546	309.032	244.300	28,06%	26,50%

Nguyên nhân:

- Đảm bảo thực hiện theo kế hoạch từ đầu năm 2011, chỉ tiêu doanh thu là 2.240 tỷ, lợi nhuận trước thuế là 380 tỷ.
- Đầu tư của nhãn hàng bằng nhiều hình thức như: chương trình khuyến mãi cộng thêm, tổ chức nhiều chương trình Hội thảo giới thiệu sản phẩm mới đến bác sỹ, khách hàng, người tiêu dùng, sử dụng các công cụ truyền thông, tiếp thị... nhằm giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng.
- Lượng tiền gửi ngân hàng tăng (chi cô tức đợt 2/2010 trong tháng 9/2011 → lượng tiền gửi giảm vào cuối tháng 9/2011; tiền gửi bình quân năm 2010: 267 tỷ, năm 2011: 300 tỷ), lãi suất tiền gửi cao hơn so với năm trước (năm 2010: 11.2%/năm, năm 2011: 14%/năm).

Kết quả:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 25.85% so với cùng kỳ thực hiện và đạt 77.12% kế hoạch năm 2011.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 31% so với cùng kỳ thực hiện.
- Lợi nhuận trước thuế tăng 26.5% so với cùng kỳ thực hiện và đạt 94.6% kế hoạch năm.

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang xin báo cáo

Người lập:

Đặng Phạm Huyền Nhung
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lê Chánh Đạo
Phó Tổng Giám đốc

ngày 24 tháng 10 năm 2011